TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/DS-PT
Ngày: 20/02/2025
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Ông Nguyễn Văn Dũng

-*Thư ký phiên toà*: Bà Đỗ Thị Bích Liễu, là Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2024/DSST, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 431/2024/QĐ–PT, ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa:

1.Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Minh P, sinh năm 1963. Địa chỉ: số B, khu tái định cư H, ấp L, xã L, huyện L, V. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Trần Thịnh P1, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1999. Cùng địa chỉ: số B, khu tái định cư, hòa phú, ấp L, xã L, huyện L, V. (theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2022 và ngày 08/01/2025).

(Anh P1 có mặt, anh Đ có đơn đề nghị vắng mặt)

2.Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1962. Địa chỉ: số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh L là chị Trần Lê Ngọc Y, sinh năm 1993. Địa chỉ: số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024) (vắng mặt).

2.2.Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2.3.Ông Lê Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông Nguyễn Hồng Đ1, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng Đ1 là anh Nguyễn Hồng L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024) (có mặt).

3.2.Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3.3. Sở nội vụ tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp: bà Cao Thị Kim P3, sinh 1973

Chức vụ: Phó trưởng phòng xây dựng chính quyền và công tác thanh niên (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2022, đơn sửa đổi bổ, sung đơn kiện ngày 29/01/2024 của nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh P và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của bà P trình bày:

Bà P là chủ sử dụng thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 3, diện tích 82,6m^2, tọa lạc ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện L ký cấp giấy ngày 21/02/2014.

Nguồn gốc đất do bà P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hồng Đ1, hiện tại ông Đ1 vẫn còn phần đất liền kề còn lại giáp với phần đất của bà P, phía bên kia đất của bà P giáp kênh công cộng. Trong quá trình sử dụng ông Trần Thanh Q, ông Trần Thanh L, ông Lê Văn T san lấp con kênh công cộng, lấn hết chiều rộng 02 mét phần đất của bà P để làm đường đal, trước đây giữa đất bà P với đất ông Q, ông L có cắm trụ đá, nhưng hiện nay ông Q, ông L đã nhổ, không còn trụ đá nào hết.

Nay bà P yêu cầu ông Trần Thanh L, ông Trần Thanh Q và ông Lê Văn T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, trả lại cho bà P phần đất mà các bị đơn đã lấn chiếm chiều rộng 02 mét, chiều dài 37,3m, diện tích 86,2m^2, thửa số 1388, tờ bản đồ số 3, diện tích 82,6m^2, tọa lạc ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Yêu cầu tòa án xác định lại đúng vị trí, diện tích phần kinh công cộng và xác định lại đúng vị trí chiết kinh nhà nước 125m^2. Buộc ông Lê Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất chiết kinh, trả lại hiện trạng ban đầu.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn T thửa số 125, tờ bản đồ số 20, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V ký cấp cho ông Lê Văn T ngày 15/12/2017.

-Bị đơn ông Trần Thanh L có chị Trần Lê Ngọc Y là người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do bà P có mua phần đất của ông Nguyễn Hồng Đ1 để làm lối đi. Sau đó, những người gồm ông Nguyễn Văn P2, bà Đỗ

Thị Minh P, ông Trần Thanh Q, Trần Thanh L và ông Lê Văn T thống nhất san lấp con kênh làm đường đal để đi. Lúc tiến hành làm đường đi thì địa chính thị trấn L đến đo đạc, chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L trực tiếp kéo thước đo và chủ tịch Hội nông dân thị trấn L chứng kiến, khi làm đường đal hai trụ ranh bị mất chứ ông L không tự ý nhổ trụ ranh của bà P. Ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P, vì ông không có lấn chiếm phần đất của bà P.

- *Bị đơn ông Trần Thanh Q trình bày:*

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do bà P có mua phần đất của ông Nguyễn Hồng Đ1 để làm lối đi. Sau đó, những người gồm ông Nguyễn Văn P2, bà Đỗ Thị Minh P, ông Trần Thanh Q, Trần Thanh L và ông Lê Văn T thống nhất san lấp con kênh làm đường đal để đi. Lúc tiến hành làm đường đi thì địa chính thị trấn L đến đo đạc, chủ tịch UBND thị trấn L trực tiếp kéo thước đo, và chủ tịch Hội nông dân thị trấn L chứng kiến, khi làm đường đal hai trụ ranh bị mất chứ hai ông không tự ý nhổ trụ ranh của bà P. Nay ông Q không đồng ý theo yêu cầu của bà P, vì ông không có lấn chiếm phần đất của bà P.

- *Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà P, vì ông không có lấn chiếm phần đất của bà P.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Ông Nguyễn Văn P2 trình bày:

Trước đây, lối đi hiện nay là con kênh, có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, nên các hộ gồm ông L, ông Q, ông T và ông thống nhất san lắp làm lối đi chung, trong vụ án này, ông không có yêu độc lập.

+Ông Nguyễn Hồng Đ1 trình bày: Phần đất thửa 1388, tờ bản đồ số 3, diện tích 82,6m^2 tọa lạc ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là của ông Đ1 bán cho bà P và bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ1 không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án, vì phần đất trên ông đã bán cho bà P.

+ Đại diện hợp pháp của Sở N: bà Cao Thị Kim P3 trình bày:

Sở Nội vụ có ý kiến đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V hỗ trợ xác định điểm đặc trưng trên đường địa giới hành chính để làm cơ sở đo đạc cung cấp kết quả cho Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh P về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Thanh L, ông Trần Thanh Q, ông Lê Văn T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất của bà, trả lại cho bà P phần đất mà các bị đơn đã lấn chiếm có chiều rộng 02 mét, chiều dài 37,3m, tổng cộng diện tích 86,2m^2 thuộc thửa 1388, tờ bản đồ số 3, diện tích 82,6m^2, tọa lạc ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do nguyên đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Đ1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và thực hiện việc xét xử lại vụ án thủ tục sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Thịnh P1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, với các nội dung sau:

-Yêu cầu bị đơn Lê Văn T trả lại diện tích đất 22,3m^2, gồm các mốc 23,24,b,c,23.

-Ông Trần Thanh L trả lại diện tích đất 28,9m^2,gồm các mốc c,b,18,28,b,c.

-Ông Trần Thanh Q trả lại diện tích đất 14,2m^2, gồm các mốc g,f,h,i.

-Buộc các bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trên các phần đất nêu trên để trả lại đất cho nguyên đơn.

-Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn T thuộc thửa 125, diện tích 4282m^2, lý do yêu cầu hủy giấy là do ông T lấn đất của nguyên đơn và lấn phần đất kinh công cộng.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: thửa đất số 125, diện tích 4.282m^2, loại đất trồng cây lâu năm, do ông nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị S và ông Trần Công T1, khi nhận chuyển nhượng đất không có giáp kinh công cộng. Thửa đất của ông thuộc thị trấn L, thửa đất của bà P thuộc xã L. Ông không có lấn đất của bà P nên không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

Ông Trần Thanh Q trình bày: nguồn gốc đất của ông là do ông bà để lại, có giáp kinh công cộng, theo ông phần đất của bà P đang nằm trong thửa đất của ông Nguyễn Hồng Đ1, vì đo đạc đất của ông Đức dư hơn 80m^2, tương ứng với phần đất của bà P bị mất. Hơn nữa đất của ông thuộc thị trấn L, đất bà P thuộc xã L. Ông không lấn đất của bà P nên không đồng ý kháng cáo của bà P.

Ông Trần Thanh L trình bày: trước đây đất của ông giáp kinh công cộng, ông san lấp con kinh làm lối đi, đất của ông thuộc thị trấn L, đất bà P thuộc xã L. Ông không lấn đất của bà P nên không đồng ý kháng cáo của bà P.

Anh Nguyễn Hồng L1 đại diện cho ông Đ1 trình bày: ông Đ1 nhận đất chia thừa kế theo bản án dân sự phúc thẩm số 352/2008/DS-PT ngày 19/9/2008 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh thửa đất số 998, diện tích 2496,5m^2, loại đất lúa và thửa đất này có chiều dài một cạnh giáp kinh. Sau đó ông Đ1 chiết thửa 1388, diện tích 82,6m^2 phần giáp kinh. Ngày 07/01/2014 ông Đ1 chuyển nhượng thửa đất 1388 cho bà P để làm lối đi. Đề nghị Tòa án căn cứ vào bản án của Tòa phúc thẩm tại TP . để giải quyết vụ án và xem xét lại phần tiền chi phí tố tụng, cấp sơ thẩm buộc ông Đ1 chịu 20.000.000đ là không đúng quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm.

Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Minh P;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ1;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 141/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà P phải nộp 25.858.000đ chi phí thẩm định, đo đạc, định giá.

Án phí phúc thẩm: bà P, ông Đ1 không phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 18/9/2024, đến ngày 23/9/2024 bà Đỗ Thị Minh P và ông Nguyễn Hồng Đ1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà P và ông Đ1 là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/01/2024 nguyên đơn bà P khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông Lê Văn T ngày 15/12/2017, đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, diện tích 4282m^2. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện trên của bà P ngày 30/01/2024. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết về tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông Lê Văn T ngày 15/12/2017, đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, diện tích 4282m^2.

[2] Theo đơn khởi kiện bà P cho rằng bà là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất 1388, diện tích 82,6m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/02/2014. Nguồn gốc phần đất trên bà P nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hồng Đ1 vào năm 2014, chiều rộng thửa đất mặt trong, mặt ngoài là 02m, mục đích nhận chuyển nhượng để làm lối đi ra Quốc lộ E. Phần đất trên ông Đ1 được công nhận theo bản án dân sự phúc thẩm số 352/2008/DSPT, ngày 19/9/2008 của Tòa Phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 07/12/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V đính kèm bản án phúc thẩm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà P ngày 21/02/2014 đối với thửa đất 1388 thể hiện phần đất bà P một cạnh chiều dài thửa đất giáp kinh, một cạnh giáp thửa đất ông Đ1 và các cạnh chiều ngang mặt ngoài giáp Quốc lộ E.

[3] Đối với phần đất thửa 125 tờ bản đồ số 20, diện tích 4282m^2 của ông Lê Văn T có nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị S năm 2006, thửa 65, diện tích 2.363,4m^2 và năm 2008 nhận chuyển nhượng từ ông Trần Công T1 thửa 78, diện tích 2.191m^2. Đến năm 2017, ông Lê Văn T thực hiện thủ tục cấp đổi thửa 65 và thửa 78 thành thửa 125, tờ bản đồ 20, diện tích 4.282m^2. Tại Công văn số 6730/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 12/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V xác định thửa đất 125, tờ bản đồ số 20 (tư liệu VLap) của ông T qua đối chiếu với tư liệu 299/TTg về hình thể, diện tích có nhiều thay đổi.

[4] Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 01/8/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thì phần đất bà P thửa 1388 đoạn ngoài giáp Quốc lộ E, giáp kinh, kinh giáp đất ông T không còn và hiện nay phần đất thửa 125 của ông T giáp đất thửa 358 + 359 của ông Đ1 và giữa thửa đất 125 của ông T với thửa 358 + 359 của ông Đ1 cũng không có kinh và không có đất của bà P.

[5] Cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập chứng cứ làm rõ nguyên nhân phần đất kinh đoạn giáp Quốc lộ E, đoạn giáp đất ông T, ông L và bà P ai là người lấp kinh, hiện nay ai đang quản lý sử dụng. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý sử dụng đất kinh như thế nào và phần đất ông T, ông L, ông Q, ông Đ1 hiện nay đang quản lý sử dụng có thuộc đất kinh không, nếu thuộc thì các đương sự trên có đơn yêu cầu và được xét cấp, công nhận quản lý, sử phần đất kinh không. Thu thập phần đất thửa 1388 của bà P trong quá trình quản lý, sử dụng có bị thu hồi hay chuyển quyền cho người khác không, nếu không bị thu hồi hoặc chuyển quyền sử dụng thì lý do gì phần đất bà P hiện nay không còn.

[6] Xét cấp sơ thẩm khi giải quyết không thu thập chứng cứ và không giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông Lê Văn T ngày 15/12/2017, đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 20, diện tích 4282m^2 là thuộc trường hợp giải quyết chưa triệt để vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích pháp pháp của đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Minh P và ông Nguyễn Hồng Đ1, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ1 sửa án sơ thẩm về phần chi phí khảo sát, đo đạc là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: do hủy án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị Minh P và ông Nguyễn Hồng Đ1 không phải chịu án phí phúc thẩm (bà P và ông Đ1 là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm).

[8] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh P và ông Nguyễn Hồng Đ1;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DS-ST, ngày18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: bà Đỗ Thị Minh P và ông Nguyễn Hồng Đ1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- TAND huyện Long Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình